

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 41/2019/HNGĐ - ST
Ngày 25-11- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN. TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST -HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2019, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 03/6/2004. Trước khi kết hôn chị và anh T có tìm hiểu nhau, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu, ở chung cùng gia đình anh T ở

thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do chị và anh T bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế. Anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm gia đình chị và đánh chị. Năm 2018 anh T bị đi chấp hành án đến tháng 9 năm 2019 anh trở về, tính tình vẫn không thay đổi, vẫn hay mắng chửi chị và gia đình chị do anh nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay chị đã hai lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, lần thứ nhất chị có nhờ chính quyền địa phương đến nhà bố mẹ chị hoà giải, anh T có cam kết không đánh chửi, xúc phạm chị và gia đình chị nên chị đã quay về chung sống với anh T. Đến đầu tháng 10 năm 2019 vợ chồng chị lại xảy ra xô sát, anh T đến nhà chị chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị vì lý do nghi ngờ chị có quan hệ trai gái không chung thủy. chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó không quay về chung sống với anh T nữa.

Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm của chị với anh T không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Lê Nhật A, sinh ngày 04/02/2005; Lê Nhật N, sinh ngày 08/7/2007; Lê Nhật D, sinh ngày 12/8/2012. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Lê Nhật D, để anh T nuôi cháu Lê Nhật A và cháu Lê Nhật N. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 03/6/2004. Trước khi kết hôn anh và chị T có tìm hiểu nhau, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu, ở chung cùng gia đình anh ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống hai vợ chồng có thỉnh thoảng cãi nhau do anh hay ghen tuông nghi ngờ chị T không chung thủy nhưng anh không có chứng cứ gì. Năm 2018 anh có đi chấp hành án đến tháng 9 năm 2019 trở về anh có hay nóng nảy, có mắng chửi và tát chị T. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung và tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định rõ tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đầy đủ, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi cháu Lê Nhật D, giao cháu Lê Nhật A và cháu Lê Nhật N cho anh Lê Văn T nuôi. chị T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, do các đương sự đều cư trú tại thôn T, xã T, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 21 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân huyện Bình Xuyên đã mở phiên tòa theo quy định, anh T vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Ngày 25 tháng 11 năm 2019 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, anh T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của Pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 20 tháng 4 năm 2007 đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh T chung sống hạnh phúc đã sinh được 03 con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2017 nguyên nhân là do anh T ghen tuông, dẫn đến chửi bới, đánh chị T, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được chính quyền thôn hòa giải, nhưng sau đó tiếp tục anh T đã có lần đến nhà bố mẹ vợ chửi bới, to tiếng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2019 mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã lên đến đỉnh điểm, do anh T ghen tuông nghi ngờ chị T không chung thủy nên đã có lời lẽ chửi bới, xúc phạm chị T và bố mẹ đẻ chị T. Về phía anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không nhẹ nhàng khuyên bảo vợ về đoàn

tự mà luôn chửi bới, xúc phạm vợ và gia đình vợ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặt khác anh T không đưa ra được biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Quá trình xác minh tại địa phương cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh T theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Xét thấy chị T và anh T đều làm nghề tự do tại địa phương, cháu D còn nhỏ, hiện nay chị T đang ở nhờ nhà mẹ đẻ chưa có chỗ ở ổn định, nên giao cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nhật D, Anh T có chỗ ở ổn định, nên giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nhật A và cháu Lê Nhật N. chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nhật D, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012, giao cho anh Lê Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nhật A, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2005 và cháu Lê Nhật N, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2007. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006295 ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Thủy